Về Lễ hội LAM KINH

HÀ ÁNH NHUNG*

Xứ Thanh - vùng đất rộng lớn về địa lý, phong phú về tộc người. Do đó, lễ hội của các tộc người trên đất xứ Thanh cũng phong phú, đa dạng và không kém phần đặc sắc. Đối với vùng miền núi, với các tộc thiểu số xứ Thanh thì thành hoàng làng đã không có, lại hiếm thần linh mang tính cộng đồng (làng) như của người Kinh, mà mới chỉ dừng ở các loại ma, như: Ma đồi, ma núi, ma rừng.Trong nhà có ma nhà, ma bếp, ma chăn nuôi. Ruộng rẫy có ma ruộng, ma rẫy; ốm đau chữa bệnh đã có ma nổ (ma nổ là ậu máy, ma nổ ậu mo)....

Xuất phát từ những đặc điểm riêng trong cuộc sống, nên lễ hội dân gian của các tộc thiểu số đều được thể hiện dưới hình thức gia đình (đám ma, đám cưới, làm vía, cấp sắc...). Ngoài ra, các lễ hội dân gian miền núi xứ Thanh còn được tổ chức dưới hình thức hoạt động nghề nghiệp như: Pôồn Pôông, Kin Chiêng Boọc Mạy, Phường Xéc bùa, Phường Chèo ma... Và, một số lễ hội được tổ chức trong ngày Tết, ngày lễ...

Gần đây một số lễ hội như lễ hội chùa Rồng, Cẩm thành, lễ hội suối cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thuỷ); lễ hội Mường Đòn (huyện Thạch Thành); một số của phường nghề: Chèo ma, Pôồn Pôông, Kin Chiêng Boọc Mạy... được khôi phục, bảo lưu dưới dạng văn hoá phi vật thể, và hoạt động thường xuyên tại không gian của người Thái và người Mường.

Đặc biệt, lễ hội Lam Kinh được coi là một sinh hoạt văn hóa đặc sắc nhất, tiêu biểu cho cả xưa và nay, có thể đại diện cho cả hai miền xuôi, ngược, đại diện cho một làng, một vùng và có thể mang tính chất quốc gia. Sử sách đã ghi về Lam Kinh (Tây Kinh), được dựng vào thế kỷ XV và được xem là kinh đô thứ hai của nước Đại Việt. Là đất thiêng, do đó đã có thời Tây Kinh trở thành một trung tâm văn hoá của Đại Việt, hàng năm Tây Kinh có tổ chức lễ hội tưng bừng để đón rước vua quan nhà Lê, cùng nhân dân hành hương về vùng đất này. Lễ hội Lam Kinh xưa được thực hiện theo nghi thức triều đình nhà Lê, không giống bất cứ lễ hội dân gian nào. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú chỉ gọi là "lễ" chứ không gọi là lễ hội.

Tới nay, chúng ta gọi là lễ hội Lam Kinh - bởi những kỳ tế lễ ở điện Lam Kinh (vào thời Lê), đã diễn ra suốt cả tháng trời, như: Đón rước xa giá của nhà vua, của các thân vương, các quan

* PHÒNG QUẢN LÝ VĂN HOÁ,
SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN THANH HÓA

đại thần cùng các vương tôn công tử... Nhân dân ngưỡng vọng Lam Kinh vì nhớ ơn Lê Thái Tổ và các công thần Bình Ngô khai quốc, xây dựng cuộc sống "Thiên hạ âu ca". Từ khi còn là điện Lam Sơn, cho đến khi xây dựng xong miếu Lam Kinh; các vua Lê và con cháu trong hoàng tộc, các quan đại thần hàng năm đều về thăm viếng Lam Kinh. Và, những dịp đó đã trở thành ngày hội lễ long trọng của nhân dân xứ Thanh.

Theo các tài liệu nghiên cứu cho thấy, lễ hội Lam Kinh ở giai đoạn này được coi là Quốc lễ, phần lễ nghi trang trọng uy nghiêm, phần trò diễn thì náo nhiệt tưng bừng. Vào các năm chẵn, đích thân hoàng đế về bái yết vong linh tiên tổ, cẩn cáo trời đất cầu xin cho mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an.... Sử còn ghi, Lê Thái Tổ trước lúc băng hà đã về Tây Kinh hành lễ. Thời vua Lê Thánh Tông, đất nước thanh bình nên lễ hội có khi diễn ra cả tháng, cực kỳ đông vui: "Vua ngự về Lam Kinh bái yết sơn lăng" trên 10 lần. Và, những lần vua về đều trở thành ngày hội của dân trong vùng. Điều đó có thể minh chứng như sau:

Toàn thư cho biết: "Năm Kỷ Tỵ (1449), triều Lê Nhân Tông đã có múa khúc nhạc "Bình Ngô phá trận", công thần xem có người cảm động đến rơi lệ. Năm Thái Hoà thứ 6 (1448), vua ngự giá về Lam Kinh, dân chúng xứ Thanh thấy xa giá đến, trai gái đem nhau tới hát Rí ren ở hành tại. Tục hát Rí ren này một bên con trai, một bên con gái dắt tay nhau ca hát, có lúc chéo chân, chéo cổ nhau gọi là cắm hoa, kết hoa (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Lần khác. Vua về Lam Kinh bái yết lăng miếu, đã ban bạc cho các quan theo hầu từ nhị phẩm trở lên và ban yến cho các quan tại bến sông. Bởi vậy có lệ ban bạc.

Sinh hoạt văn nghệ cung đình thời Lê sơ, với dấu tích của nó được khẳng định qua việc ghi chép của *Việt sử thông giám cương mục* như sau: Mùa xuân năm Đại Hoà thứ 6 (1448), vua Nhân Tông ban yến quần thần múa hát khúc Bình Ngô phá trận. Năm Diên Ninh thứ 3 (1456), nhà vua tuần du đến Lam Kinh bái yết lăng miếu, tại đây có biểu diễn múa Bình Ngô phá trận và Chư hầu lai triều. Hai khúc diễn xướng vũ nhạc này trước đó đã được Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê ghi lại, phản ánh một phần vai trò của diễn xướng, một hình thức sinh hoạt văn nghệ cung đình của xã hội Lê sơ.

Đặc biệt lần vua dẫn trăm quan bái yết sơn lăng và ra lệnh cho viên quan trông coi ở sơn lăng như sau: Mọi việc ở đền thờ đều phải thành kính, tinh khiết; nghiêm cấm việc đốn cây, chặt tre, kiếm củi... Về tế phẩm ở miếu thì phải dùng 4 trâu, đánh trống đồng, quân lính reo hò hưởng ứng theo. Có múa Bình Ngô phá trận và Chư hầu lai triều. Ngoài ra còn diễn trò xếp chữ Thiên hạ thái bình.

Hai diễn xướng Bình Ngô phá trận và Chư hầu lai triều được triều đình và nhân dân kính trọng, điều này được minh chứng trong *Toàn thư* như sau: "Trong buổi hành lễ, một số quan chức biểu diễn không đúng với điệu múa đã bị Điện trung Ngự sử tâu như sau:

- Lê Bí tập nghi thức trái lễ;
- Thiếu bảo Lê Diễn làm mất thứ tự;
- Lễ bộ Thượng thư Đào Công Soạn không biết xét tâu lên, đều phải phạt tiền theo thứ bậc khác nhau....

Cùng với Bình Ngô phá trận và Chư hầu lai triều còn có nhiều loại diễn xướng, trò diễn có liên quan đến chủ đề này hoặc mang bóng dáng về nhân vật, sự kiện lịch sử nói trên. Đó là các trò như trò Ngô, trong đó diễn lớp Lê Lợi chém đầu Liễu Thăng, được quần chúng nhân dân rất ưa thích; trò Chạy Chữ trình diễn ở đền vua Lê (tại Lam Kinh); trò Thuỷ ở Đông Ninh (Đông Sơn), quê hương Khai quốc công thần Nguyễn Chích, tái hiện cuộc tấn công vào Nghệ An bằng đường thuỷ của Lê Lợi, theo mưu kế của Nguyễn Chích. Trò Lân Bang ngũ quốc đồ tiến cống, mang bóng dáng mô tả các nước chư hầu, đến thuần phục nhà Lê khi đất nước thống nhất. Ngoài ra tiêu biểu còn có trò Xuân Phả, gồm có 5 điệu múa chính là Hoà Lan, Chiêm Thành, Lục Hồn Nhung, Ai Lao và trò Ngô Quốc....Tất cả những trò diễn ở Lam Kinh được ghi trong sách cho thấy chủ lễ là nhà vua, còn quan lại là người đi đón vua, người trình diễn trong lễ hội là quần chúng nhân dân và các quan lại, binh lính. Lễ nghi được diễn ra ở chính điện Lam Sơn. Và, đặc biệt lễ hội tại Lam Kinh đã mang tầm cỡ quốc gia, với quy mô to lớn. Trong lễ hội Lam Kinh, phần lễ nghi mang nặng việc bái yết tổ tiên, mang tính cung đình. Phần trò diễn là sinh hoạt văn hoá tinh thần của nhân dân, được thực hiện cả tháng với nhiều trò chơi, trò diễn độc đáo.

Sau này, có những năm lẻ, vua không ngự

về Lam Kinh thì nhân dân địa phương đứng ra tổ chức và lễ hội cũng diễn ra theo tục lệ, chỉ khác chủ lễ không phải là nhà vua, mà là các quan đầu tỉnh, đầu phủ tiến hành theo lệ của triều đình, nhân dân tiến hành theo nghi thức dân gian. Thành phần chính của lễ hội là lý dịch, dân các làng cận kề quanh vùng Lam Kinh bấy giờ. Như vậy có thể xem đây là sự biến đổi của lễ hội Lam Kinh từ chỗ mang nặng tính cung đình sang tính chất dân gian.

Khi chuyển hoá thành lễ hội dân gian, thì mỗi năm mở hội một lần vào các ngày từ 20 đến 23 tháng 8 Âm lịch hàng năm (chính hội ngày 22/8 Âm lịch). Trong lễ hội đã thực hiện:

Tế: Có 11 người, chọn người có đạo đức, gia đình hạnh phúc, đề huề, con cái ngoan ngoãn, thảo hiền, cháu nội, cháu ngoại biết kính trên nhường dưới, nhà không có tang. Đặc biệt chủ tế phải chọn người có gia đình tứ đại đồng đường.

- Chủ tế: Mặc áo đỏ, quần trắng, đi hia, đội mũ.
- Xướng quan: Mặc áo tím, quần trắng, đi hia, đội mũ.
- Hầu tế: Mặc áo tím, quần trắng, đi hia, đội mũ.
- Thực hiện tế: 5 tuần (Sơ, Á, Trung, Phối, Quân hiến).

Ban tế chọn ra vài chục nam đinh nhanh nhẹn, hoạt bát thay phiên nhau rước kiệu trong ngày lễ. Kiệu được rước từ đền thờ vua Lê ở Xuân Lam, đi lên đền Tép (huyện Ngọc Lặc) để đón kiệu Lê Lai. Dọc đường đi, hai kiệu gặp nhau thì quay kiệu (hình thức gặp mặt chào nhau) rồi cùng về Lam Kinh để làm đại lễ.

Sau phần tế lễ long trọng là phần giao hội cũng không kém phần vui vẻ. Các giáp kết chạ từ Ngọc Lặc xuống, bên Thọ Xuân sang, cùng nhau vào hội và thi nhau diễn các tích trò. Những tích trò được các giáp bên Thọ Xuân diễn như: Rí ren; Bình Ngô phá trận; Chư hầu Lai triều; múa đèn chạy chữ; trò Xuân Phả; múa Rồng Lân... Đội quân các giáp nghênh giá từ Ngọc Lặc xuống diễn các tích trò Lê Lai liều mình cứu chúa; Hội thề Lũng Nhai; Lê Lợi chém Liễu Thăng. Cùng lúc là trống đồng, dàn cồng chiêng nổi lên vang rộn núi rừng Lam Sơn. Ngoài ra còn nhiều trò chơi dân gian khác diễn ra trong các ngày như: Tung còn, bắn nỏ, chơi khẳng, đánh đáo, đẩy gậy, quay vòng, leo cầu, đánh cờ, đánh đu, thi vật, đấu võ, kéo co... sẵn có trong các làng quê xứ Thanh được mang tới, tạo thành một bản sắc độc đáo, phong phú cho lễ hội Lam Kinh.

Để có được một lễ hội như vậy, trước ngày lễ trọng hàng tháng, các giáp đã chuẩn bị kỹ càng mọi việc. Trước ngày vào lễ hội, các vị chức sắc trong làng phải làm lễ Mộc dục (tắm rửa lau chùi cho các pho tượng). Trước cửa đền được treo một lá cờ hội lớn, như là một tín hiệu vui, mời gọi du khách thập phương. Đã thành lệ, hàng năm cứ vào tháng 8 (Âm lịch) du khách thập phương lại kéo về Lam Kinh dâng hương tưởng niệm...

Trải qua bao biến động thăng trầm của lịch sử, một số triều đại sau đã đập phá đi các cung điện, đền đài, miếu mạo ở Lam Kinh, Số còn lại được đưa về Đông Vệ (TP. Thanh Hóa ngày nay) lập Thái miếu nhà Lê. Từ đó Lam Kinh trở thành hoang tàn. Việc tế lễ ở Lam Kinh cũng dần vắng hẳn. Diện mạo Lam Kinh đất thiêng xưa kia, chỉ còn lại trong truyền thuyết. Nhân dân vùng Lam Sơn lập đền thờ Lê Lợi ở làng Cham, thường gọi là đền Cham, từ đây có lễ hội làng Cham. Và lễ hội này chính là lễ hội Lam Kinh thu nhỏ, để cho những ai còn nghĩ đến công lao của nhà Lê đến thắp nén hương tưởng niệm. Tuy vẫn có ngày giỗ vua, nhưng chỉ như là ngày giỗ thành hoàng của một làng quê nghèo khó, chân chất, mộc mạc của xứ Thanh.

Từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm đặc biệt cho di tích lịch sử có một không hai này, bằng nhiều đợt tôn tạo, phục hồi nhằm duy trì dấu tích Lam Kinh. Cũng từ đây, lễ hội Lam Kinh đã dần dần trở lại. Đặc biệt khi đền Lê Thái Tổ được phục dựng, thì lễ hội cũng được khôi phục và trở lại với định kỳ theo lưu truyền: "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi", dân chúng và du khách thập phương lại nườm nượp kéo về Lam Kinh tham dự lễ hội.

Chúng tôi còn nhớ, vào những năm từ 1964 đến 1969, được xem người lớn chuẩn bị cho lễ hội đền Tép (Lê Lai, vị tướng liều mình cứu Chúa). Để chuẩn bị cho lễ hội, người dân làng Lai (xã Minh Sơn bây giờ) phải chọn kỹ từng bông lúa nếp hạt cau từ vụ gặt trước, đánh gòn đem phơi, nếu phơi dưới mặt đất phải chọn chỗ quang đãng, sạch sẽ, đàn bà, con gái không được bước qua, nếu không kiêng giữ được, phải phơi từng bòn lúa trên sào cao hơn mặt đất hàng thước. Đến dịp làm giỗ, trải từng bông lúa

vào mẹt dùng bát ăn cơm úp xuống bông lúa mà tuốt, sau đó bỏ vào cối giã chày tay cho trắng muốt rồi mới đem ngâm; khi ngâm dùng lá cau non đập giập, vò nát rồi thả vào nước ngâm gạo, làm như vậy gạo nếp sẽ có mầu trắng lóng lánh, ánh lên như sắc bạc. Sau đó đem đồ trên hông gỗ, niếng đồng để làm cỗ tế lễ, cùng với gà trống tơ, mỏ ngậm bông hồng. Đặc biệt chỉ con trai tuổi độ đôi tám mới được cắt tiết gà và khiêng cỗ ra đền. Khi tế lễ, đàn bà con gái không được ra đền. Sau tế lễ Lê Lai (ông Ậu làm thủ tục cúng vía xin phép Ngài cho dân mở hội). Ban tế chọn ra vài chục trai đinh trong các giáp để cùng rước kiệu từ đền Lai về làm đại lễ tại Lam Kinh. Đội hình rước từ đền Tép (Ngọc Lặc) xuống Lam Kinh gồm có rồng, cờ xí, chấp kích, kiệu, bát âm, dàn cồng chiêng, với trang phục của tộc Mường đẹp nhất.

Để Lam Kinh thực sự trở thành di sản thì không nên chỉ dừng ở các giá trị văn hoá vật thể mà các giá trị văn hoá phi vật thể cũng phải được phát huy. Việc tiến hành phục dựng các trò chơi, trò diễn trong lễ hội Lam Kinh cho quần chúng nhân dân trong những năm gần đây của ngành Văn hóa - Thông tin đã đáp ứng tâm nguyện của cộng đồng. Và, lễ hội hàng năm diễn ra một cách to lớn, mang tầm cấp tỉnh hay cấp quốc gia, thì cùng lúc phải tiến hành song song theo định hướng "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Điều quan trọng là nhận thức của các cấp, các ngành khi đã xác định tầm vóc và quy mô của lễ hội Lam Kinh, thì cần phải tổ chức xứng đáng với truyền thống và công lao của vị anh hùng dân tộc, cũng như đáp ứng được mong mỏi của nhân dân xứ Thanh nói riêng, nhân dân toàn quốc nói chung về một lễ hội lịch sử - văn hoá vô cùng đặc biệt này. Điều đó góp phần không nhỏ để lễ hội Lam Kinh - một lễ hội đặc sắc của xứ Thanh trường tồn mãi mãi./.

H.A.N

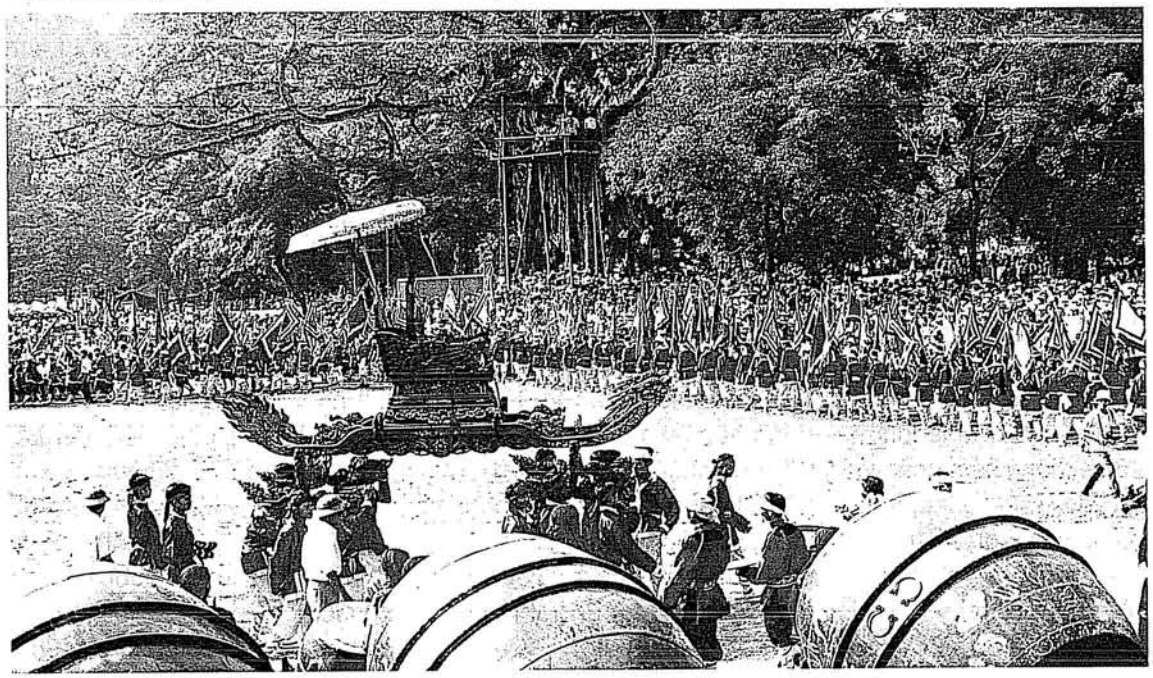

Tạo dựng tân lễ hội Lam Kinh - Ảnh: Sở VHTT Thanh Hóa

SUMMARY: THE LAM KINH FESTIVAL (HÀ ÁNH NHUNG)

Thanh Hóa is a land plentiful of festivals, among which is the long-lasting Lam Kinh Festival. The author introduces the Festival using the documentation. The article has partly lively and trustfully recalled unprecedented rituals of the Festival. These folk and historical presentations made Lam Kinh Festival a distinguished one.